

Số: 23/KH-THPTNĐT

Vụ Bản, ngày 11 tháng 2 năm 2023

## KẾ HOẠCH

**Sử dụng, bảo quản, mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản,  
tăng cường cơ sở vật chất năm 2023**

### I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư quy định về Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT- BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông chương trình tổng thể;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT- BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn CSVCS các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT- BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 39/2021/TT- BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT- BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 3068/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Nam Định, Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023;

Căn cứ nhiệm vụ năm 2022 – 2023; căn cứ tình hình CSVC hiện có của trường THPT Nguyễn Đức Thuận;

Trường THPT Nguyễn Đức Thuận xây dựng kế hoạch Sử dụng, bảo quản, mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản, tăng cường cơ sở vật chất năm 2023 như sau:

## **II. CĂN CỨ THỰC TIỄN**

### **1. Khái quát tình hình nhà trường**

Trường THPT Nguyễn Đức Thuận nằm trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Tình hình kinh tế - xã hội của huyện ổn định. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt kết quả khá. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội có bước phát triển, an sinh xã hội được đảm bảo. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Nhà trường được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định cũng như sự quan tâm của các cấp chính quyền trong việc đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng nhà trường theo hướng chuẩn hóa.

Tổ chức nhà trường: Ban giám hiệu có 03 đ/c; Chi bộ có 30 đảng viên; Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 54 đ/c, trong đó có 11 thạc sỹ và 36 đồng chí có trình độ đại học; 8 đồng chí là nhân viên. Tất cả đều đạt chuẩn và trên chuẩn.

Nhà trường có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên có đạo đức tốt, có năng lực sư phạm, trình độ chuyên môn cao, tâm huyết, yêu nghề và có trách nhiệm với công việc được giao, có quyết tâm xây dựng nhà trường phát triển. Đội ngũ nhân viên có trình độ, tâm huyết với các nhiệm vụ được giao và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các tổ chức chính trị, đoàn thể đoàn kết, vững mạnh. Mặc dù mới thành lập được 17 năm nhưng Trường có đã đạt được nhiều thành tích, hàng năm nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học, liên tục được công nhận là tập thể lao động tiên tiến, 04 năm được tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, 01 năm được tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, là đơn vị điển hình tiên tiến giai đoạn 2015-2020. Nhà trường được công nhận trường chuẩn quốc gia; trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Loại hình trường: Trường trung học phổ thông hạng II.

Quy mô phát triển giáo dục: Hiện nay trường có 20 lớp với 800 học sinh, bình quân 40 học sinh/lớp. Theo kế hoạch đến năm học 2023-2024 nhà trường có 21 lớp với 840 học sinh.

Tổng diện tích mặt bằng đáp ứng được nhu cầu dạy-học. Công tác quản lý, xây dựng kế hoạch sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học luôn được Ban giám hiệu nhà trường quan tâm.

Trường có đủ thiết bị thiết yếu phục vụ cho công tác giảng dạy cũng như bảo quản tài sản chung của nhà trường, tài sản của giáo viên, học sinh. Trường có tường rào, cổng trường kiên cố, có đủ bàn ghế, bảng viết, có đủ đèn và hệ thống điện phục vụ tốt cho công tác giảng dạy; có nhà để xe cho giáo viên và học sinh. Bên cạnh đó học sinh của trường có ý thức tương đối tốt trong việc bảo quản tài sản chung.

## **2. Cơ sở vật chất của nhà trường**

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục các cấp liên quan đến nội dung rà soát, đánh giá thực trạng CSVC, TB&CN trong dạy học, giáo dục cũng như phục vụ cho nhu cầu sử dụng CSVC, TB&CN của trường THPT để thực hiện CTGDPT 2018, nhà trường đã tiến hành đánh giá thực trạng CSVC, TB&CN của nhà trường thông qua việc kiểm kê CSVC, TB&CN trong dạy học, giáo dục của Trường THPT Nguyễn Đức Thuận tại thời điểm cuối tháng 12 năm 2022.

- Thực hiện kiểm kê toàn bộ các CSVC, TB&CN của nhà trường (bao gồm: CSVC cố định, TB&CN môn học, phòng học, hoạt động giáo dục...) kết hợp nghiên cứu hồ sơ quản lý CSVC, TB&CN.

- Kết quả điều tra thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ của nhà trường được thể hiện trong các bảng dưới đây:

Bảng 2.1. Đánh giá thực trạng cơ sở vật chất (tài sản cố định) của trường THPT Nguyễn Đức Thuận

STT	Tên	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Số lượng cần đảm bảo chuẩn định mức tối thiểu	Đối chiếu CSVCSVC hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018		Thực trạng hiện tại	Nhu cầu bổ sung sửa chữa
		HS	G V				Chưa đáp ứng	Đáp ứng		
I	Địa điểm, quy mô, diện tích									
		Diện trường		Diện	1			x		
	Quy mô			Lớp	21			x	Tường bị bong tróc; trần thấm dột, rơi vữa.	Tu sửa tường, trần
	Diện tích			m <sup>2</sup>	15431,7			x		Không
II	Phòng học, phòng chức năng									
2.1	Khối phòng học tập									
	Phòng học	x	x	Phòng	21x50m <sup>2</sup>	1,5m <sup>2</sup> /HS	x		Tường bong tróc, nền nhà hỏng, thấm dột	Cải tạo, sửa chữa
	Phòng học bộ môn Vật lí	x	x	Phòng	43m <sup>2</sup>	2m <sup>2</sup> /HS	x		Không đạt chuẩn	Xây mới
	Phòng học bộ môn Hóa học	x	x	Phòng	43m <sup>2</sup>	2m <sup>2</sup> /HS	x		Không đạt chuẩn	Xây mới
	Phòng học bộ môn Sinh học	x	x	Phòng	43m <sup>2</sup>	2m <sup>2</sup> /HS	x		Không đạt chuẩn	Xây mới
	Phòng học bộ môn Tiếng Anh	x	x	Phòng	2x64m <sup>2</sup>	2m <sup>2</sup> /HS	x		Thiếu thiết bị	Bổ sung thiết bị
	Phòng học bộ môn Tin học	x	x	Phòng	2x64m <sup>2</sup>	2m <sup>2</sup> /HS	x		Thiếu máy tính	Bổ sung máy tính
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	x	x	Phòng	0	2,45m <sup>2</sup> /HS	x			Xây mới
	Phòng học bộ môn Âm nhạc	x	x	Phòng	0	2,45m <sup>2</sup> /HS	x			Xây mới
	Phòng học bộ môn CN	x	x	Phòng	0	2,45m <sup>2</sup> /HS	x			Xây mới
	Phòng học bộ môn KHXH	x	x	Phòng	0	1,5m <sup>2</sup> /HS	x			Xây mới

STT	Tên	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Số lượng cần đảm bảo chuẩn định mức tối thiểu	Đối chiếu CSVC hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018		Thực trạng hiện tại	Nhu cầu bổ sung sửa chữa
		HS	G V				Chưa đáp ứng	Đáp ứng		
2.2	Phòng đa chức năng	x	x	Phòng	0	2m <sup>2</sup> /HS	x		Tường bong tróc, nền nhà hỏng, cửa hỏng thấm dột	Xây mới
	Phòng Hiệu trưởng		x	Phòng	1	1	x		Tường bong tróc, nền nhà hỏng, cửa hỏng thấm dột	Sửa chữa
	Phòng Phó hiệu trưởng		x	Phòng	2	1	x		Tường bong tróc, nền nhà hỏng, cửa hỏng thấm dột	Sửa chữa
	Phòng Văn phòng		x	Phòng	2	1	x		Tường bong tróc, nền nhà hỏng, cửa hỏng thấm dột	Sửa chữa
	Phòng Bảo vệ	x	x	Phòng	1	1		x		Không
	Khởi phòng hỗ trợ học tập									
2.2	Thư viện	x	x	Phòng	43m <sup>2</sup>	0,6m <sup>2</sup> /HS P Đọc: 2,4m <sup>2</sup> /chỗ	x		Không đạt chuẩn	Xây mới
	Phòng thiết bị giáo dục	x	x	Phòng	3=43m <sup>2</sup>	> 48m <sup>2</sup>	x		Không đạt chuẩn	Xây mới
	Phòng tư vấn học đường	x	x	Phòng	0	24m <sup>2</sup> /phòng	x			Xây mới
	Phòng truyền thông	x	x	Phòng	43m <sup>2</sup>	>48m <sup>2</sup>	x			Không
	Phòng Đoàn thanh niên	x	x	Phòng	21m <sup>2</sup>	>25m <sup>2</sup>	x		Tường bong tróc, nền nhà hỏng, cửa hỏng thấm dột	Xây mới
2.3	Khởi phụ trợ									
	Phòng họp		x	Phòng	86m <sup>2</sup>	1,2m <sup>2</sup> /người	x		Tường bong tróc, nền nhà hỏng, cửa	Sửa chữa

STT	Tên	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Số lượng cần đảm bảo chuẩn định mức tối thiểu	Đối chiếu CSVC hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018		Thực trạng hiện tại	Nhu cầu bổ sung sửa chữa
		HS	G V				Chưa đáp ứng	Đáp ứng		
	Phòng tổ chuyên môn			Phòng	5x18m <sup>2</sup>				hồng thấm dột	
						1x30m <sup>2</sup>		X	Tường bong tróc, nền nhà hồng, thấm dột, có nguy cơ sập	Xây mới
	Phòng chờ giáo viên		X	Phòng	1=64m <sup>2</sup>	4m <sup>2</sup> /GV		X	Tường bong tróc, nền nhà hồng, cửa hồng thấm dột	Sửa chữa
	Phòng Y tế	X	X	Phòng	18m <sup>2</sup>	1x24m <sup>2</sup>		X		Sửa chữa
	Nhà kho	X	X	Phòng	0	1x48m <sup>2</sup>		X		Xây mới
	Nhà xe giáo viên		X	Nhà	1=90m <sup>2</sup>			X		Không
	Nhà xe học sinh		X	Nhà	1=720m <sup>2</sup>	0,9m <sup>2</sup> -1XD 2,4m <sup>2</sup> -1XM		X	Còn thiếu	Làm bổ sung
	Nhà vệ sinh giáo viên		X	Nhà	6=81m <sup>2</sup>	150m <sup>2</sup>		X	Bị dột	Sửa chữa
	Nhà vệ sinh học sinh		X	Nhà	12x13m <sup>2</sup>	0,06m <sup>2</sup> /HS		X	Bị dột	Sửa chữa
	Công, tường rào		X	m	573m			X	Hồng phần dây thép gai	Sửa chữa, bổ sung
2.4	Khu sân chơi, thể dục thể thao									Không
	Sân chung		X	m <sup>2</sup>	3000m <sup>2</sup>	1,5m <sup>2</sup> /HS		X	Xuống cấp, thoát nước kém	Cải tạo, lát gạch, và làm mới hệ thống thoát nước
	Sân thể dục thể thao		X	m <sup>2</sup>	1500m <sup>2</sup>	0,35m <sup>2</sup> /HS		X	Chưa đảm bảo tập TDDT, Hệ thống nắp dẫy bê tông	Làm lại nắp dẫy trên rãnh thoát nước, Làm sân

STT	Tên	Đôi tương sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Số lượng cần đảm bảo chuẩn định mức tối thiểu	Đôi chiếu CSVC hiện có so với yêu cầu của CTGDDPT 2018		Thực trạng hiện tại	Nhu cầu bổ sung sửa chữa	
		HS	G V				Chưa đáp ứng	Đáp ứng			
	Nhà đa năng	X	X	m <sup>2</sup>	936 m <sup>2</sup>			X		Có hiện tượng lún; hỏng hệ thống cửa; Thiếu khâu hiệu, máy chiếu để tổ chức các hoạt động tập thể; Hệ thống loa cần được sửa chữa.	Sửa chữa, bổ sung
2.5	Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp nước sạch; cấp điện; chữa cháy										
	Hệ thống cấp nước sạch	X	X		1			X			Không
	Hệ thống điện	X	X		1			X			Không
	Hệ thống chữa cháy	X	X		0			X	Hệ thống chữa cháy cũ, số lượng bình chữa cháy không đủ, nhiều bình hết hạn dùng hoặc hỏng	Làm mới hệ thống chữa cháy. bổ sung bình chữa cháy	
	Hệ thống internet	X	X		2			X			Không
	Khu thu gom rác thải	X	X		1			X			Không

**Bảng 2.2. Danh giá thực trạng thiết bị dạy học, giáo dục của trường THPT Nguyễn Đức Thuận**

TT	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đáp ứng chương trình 2006	Đối chiếu thiết bị dạy học, giáo dục hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018 (mô tả rõ tình trạng)	
		HS	GV				Chưa đáp ứng	Đáp ứng
<b>I</b>	<b>Thiết bị dùng chung</b>							
1.1	Máy tính	X	X	Bộ	27	X	X	
1.2	Máy chiếu	X	X	Máy	8	X		X
1.3	Tivi	X	X	Cái	1	X	X	
<b>II</b>	<b>Thiết bị dạy học lớp</b>							
2.1	Thiết bị dạy học lớp 10	X	X	Bộ	20	Không	X	
2.2	Thiết bị dạy học lớp 11	X	X	Bộ	20	Không	X	
2.3	Thiết bị dạy học lớp 12	X	X	Bộ	15	Không	X	
<b>III</b>	<b>Thư viện</b>							
3.1	Sách giáo khoa	X	X	Bộ	120	X		X
3.2	Sách thư viện	X	X	Cuốn	2000	X		X
3.3	Sách tham khảo	X	X	Cuốn	1000	X		X

Bảng 2.3. Danh giá thực trạng công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động dạy học, giáo dục của trường THPT Nguyễn Đức Thuận

TT	Danh mục	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu công cụ, dụng cụ hiện có với yêu cầu của CTGDPT 2018	
		HS	CBQL, GV, NV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng
<b>I</b>	<b>Công cụ, dụng cụ văn phòng</b>		X				
1.1	Máy tính		X	Bộ	15		X
1.2	Máy in		X	Chiếc	14		X
1.3	Tủ hồ sơ		X	Chiếc	10	X	
<b>II</b>	<b>Công cụ, dụng cụ chuyên dùng</b>		X				
2.1	Máy photocopy		X	Cái	1		
2.2	Máy scan		X	Cái	1	X - hỏng	X
2.3	Máy Fax		X	Cái	0	X	
<b>III</b>	<b>Công cụ, dụng cụ lớp học</b>	X	X				
3.1	Bàn ghế GV		X	Bộ	23		X
3.2	Bàn ghế HS	X	X	Bộ	252 bộ 4 chỗ ngồi; 54 bộ 2 chỗ		X Một số hỏng
3.3	Bảng	X	X	Cái	22	X Thiếu bảng	
3.4	Trivi	X	X	Cái	15		X
<b>IV</b>	<b>Công cụ, dụng cụ khác</b>						
4.1	Nệm nhày cao	X	X	Cái	4	X - hỏng 2 cái	
4.2	Bộ trụ xà nhày cao	X	X	Bộ	1		Tốt
4.3	Cột bóng chuyền	X	X	Bộ	1		Tốt
4.4	Cột cầu lông	X	X	Bộ	2		Tốt
4.5	Cột bóng rổ	X	X	Bộ	1	X - hỏng	

### III. Nội dung đề nghị mua sắm, bổ sung thiết bị và công nghệ của các bộ phận.

#### 3.1. Môn Vật lý

TT	Tên thiết bị / hóa chất	ĐV tính	Số lượng
1	Bộ thí nghiệm về sóng dừng	Bộ	04
2	Bộ thí nghiệm về sóng nước	Bộ	04
3	Khảo sát chuyển động thẳng đều và biến đổi đều của viên bi trên máng ngang và máng nghiêng. Nghiệm định luật bảo toàn động lượng, định luật bảo toàn cơ năng	Bộ	04
4	Bộ thí nghiệm về dòng điện không đổi 1. Đo suất điện động và điện trở trong của nguồn điện 2. Định luật Ôm cho toàn mạch 3. Định luật Ôm cho đoạn mạch chứa nguồn điện 4. Khảo sát đặc tính chỉnh lưu của điôt bán dẫn 5. Khảo sát đặc tính khuếch đại của tranzito	Bộ	04
5	Bộ thí nghiệm về mạch điện xoay chiều - Xác định dung kháng và cảm kháng trong mạch xoay chiều. - Khảo sát hiện tượng cộng hưởng điện.	Bộ	04
6	Bộ thí nghiệm điện tích - điện trường 1. Sự nhiễm điện do tiếp xúc, hưởng ứng 2. Hình dạng đường sức điện trường 3. Sự phân bố điện tích ở vật dẫn tích điện. Sự đẳng thế trên vật dẫn tích điện 4. Điện trường trong vật dẫn tích điện	Bộ	04
7	Bộ thí nghiệm lực từ và cảm ứng điện từ 1. Phương và chiều của lực từ. Quy tắc bàn tay trái 2. Độ lớn của lực từ. Khái niệm cảm ứng từ 3. Hiện tượng cảm ứng điện từ 4. Định luật Len-xơ 5. Dòng điện Fu-cô	Bộ	04

#### 3.2. Môn Hóa học

TT	Tên thiết bị / hóa chất	ĐV tính	Số lượng
----	-------------------------	---------	----------

1	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Hóa học	Bộ	2
2	Bộ mô phỏng 3D	Bộ	2
3	Ống hút nhỏ giọt	Cái	10
4	Ống dẫn thủy tinh các loại	Bộ	5
5	Thìa xúc hoá chất bằng thủy tinh	Cái	5
6	Ống dẫn	m	5
7	Muỗng đốt hóa chất	Cái	5
8	Kẹp đốt hóa chất cỡ lớn	Cái	5
9	Kẹp đốt hóa chất cỡ nhỏ	Cái	5
10	Panh gấp hóa chất	Cái	5
11	Khay mang dụng cụ và hóa chất	Cái	3
12	Khay đựng dụng cụ, hóa chất	Cái	5
13	Giấy ráp	Tấm	5
14	Áo khoác phòng thí nghiệm	Cái	5
15	Găng tay cao su	Hộp	1
16	Bột sắt Fe, loại mịn có màu trắng xám	g	100
17	Nhôm bột, loại mịn màu trắng bạc	g	100
18	Đồng lá (Cu)	g	100
19	Kẽm viên (Zn)	g	100
20	Iodine (I <sub>2</sub> )	g	100
21	Potassium iodide (KI)	g	100
22	Sodium floride (NaF)	g	100
23	Sodium bromide (NaBr)	g	100

24	Sodium iodide (NaI)	g	100
25	Calcium chloride ( $\text{CaCl}_2 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$ )	g	100
26	Iron (III) chloride ( $\text{FeCl}_3$ )	g	100
27	Iron sulfate heptahydrate, ( $\text{FeSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$ )	g	100
28	Potassium nitrate ( $\text{KNO}_3$ )	g	100
29	Zinc sulfate ( $\text{ZnSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$ )	g	100
30	Sodium carbonate, ( $\text{Na}_2\text{CO}_3 \cdot 10\text{H}_2\text{O}$ )	g	100
31	sodium hydrogen carbonate ( $\text{NaHCO}_3$ )	g	100
32	Potassium chlorate ( $\text{KClO}_3$ )	g	100
33	Sodium thiosulfate, ( $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$ )	g	100
34	Hydroperoxide 30% ( $\text{H}_2\text{O}_2$ )	ml	100
35	Phenolphthalein	g	10
36	Cồn đốt	ml	1000
37	Sodium acetate ( $\text{CH}_3\text{COONa}$ )	g	100
38	Ammonium sulfate ( $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$ ) hoặc Ammonium nitrate ( $\text{NH}_4\text{NO}_3$ )	g	100
39	Barium chlorid ( $\text{BaCl}_2$ )	g	100
40	Aluminum potassium sulfate Dodecahydrate ( $\text{KAl}(\text{SO}_4)_2 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$ )	g	100

### 3.3. Môn Sinh học

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng
1	Kính hiển vi quang học cầm điện	cái	5
2	Đèn cồn	Cái	5
3	Chậu nhựa	cái	2
4	Dao	cái	5

5	Giấy lọc cắt nhỏ	Hộp	5
6	Giấy thấm	Hộp	5
7	Nước cất	lit	5
8	Ethanol 90%	Lit	1
9	Xanh methylen	lit	1
10	Thuốc thử Benedict	lit	2
11	Dung dịch thuốc nhuộm acetocarmine 2%	lit	0,5

### 3.4. Môn Công nghệ

TT	Tên thiết bị / hóa chất	ĐV tính	Số lượng
1	Máy đo PH	cái	2
2	Board mạch thử	cái	6
3	Tụ điện 10uF25v	con	15
4	15 led đơn	con	15
5	Điot các loại	bộ	1
6	Điện trở các loại	bộ	1
7	Dây bện 40 sợi	bộ	2
8	Mạch tăng áp 2A	bộ	2
9	Tranzitobc 547	con	15
10	Bộ jump cắm test mạch	bộ	2
11	Bộ nguồn 5v2A	bộ	2
12	Bo mạch Aduino	Bộ	4

### 3.5. Môn Thể dục

TT	Tên thiết bị / hóa chất	ĐV tính	Số lượng
1	Làm sân bóng rổ	sân	1
2	Đồng hồ bấm giờ	cái	2
3	Đệm nhảy cao	cái	2

### 3.6. Môn Tin học

TT	Tên thiết bị	ĐV tính	Số lượng
1	Máy tính cây	Bộ	10
2	Bàn phím máy tính	Chiếc	05
3	Chuột máy tính	Chiếc	07
4	Máy in Canon hoặc HP (phòng đc Trang)	Chiếc	01
5	Thay catridge mực máy in Brother (phòng đc Hiền)	Chiếc	01

### 3.7. Môn Tiếng anh

TT	Tên thiết bị	ĐV tính	Số lượng
1	Loa	cái	02

### 3.7. Bổ sung, sửa chữa, mua sắm CSVC khác

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Vị trí sử dụng
1	Máy chiếu nhà đa năng	01	Nhà đa năng
2	Sửa chữa Bàn ghế học sinh	Kiểm tra vào đầu năm học	Lớp học
3	Sửa trần nhà, tường nhà, nền nhà	Nếu có	Lớp học
4	Cải tạo, sửa chữa nhà Hiệu bộ: Nhà vệ sinh, các phòng làm việc		Nhà Hiệu bộ
5	Sửa rãnh nước sân thể dục		Sân thể dục
6	Mua bổ sung đầu sách cho thư viện		Phòng thư viện
7	Làm phòng họp trực tuyến	01	Phòng họp hội đồng
8	Nâng cấp, sửa chữa hạ tầng công nghệ thông tin và mua sắm bổ sung các thiết bị công nghệ	Căn cứ vào tình hình thực tế	

## IV. Dự kiến nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí thường xuyên và không thường xuyên năm 2023: Dự kiến từ 200 triệu đồng trở lên
- Nguồn kinh phí khác của nhà trường năm 2023 (Học phí, dạy thêm học thêm, coi xe...)
- Nguồn xã hội hóa

## **VI. Tổ chức thực hiện**

### **1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng**

- Nghiên cứu kỹ chương trình 2006, CT GDPT 2018, chương trình tổng thể và chương trình giáo dục của cấp học, để xác định yêu cầu khai thác, sử dụng CSVC, TB&CN dạy học, giáo dục cần thiết để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục ở cấp THPT.
- Tổ chức sắp xếp các khối phòng trong trường để phân loại và bố trí sử dụng đảm bảo yêu cầu tối thiểu 0,6 phòng/lớp và số lượng học sinh mỗi lớp không quá 45 học sinh.
- Chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên nghiên cứu chương trình 2006 và CT GDPT 2018 để xác định nhu cầu sử dụng CSVC, TB&CN trong dạy học, giáo dục; Xây dựng kế hoạch khai thác sử dụng trong thực hiện Chương trình giáo dục; Giao cho cán bộ phụ trách thiết bị sắp xếp, chuẩn bị, cung cấp thiết bị và công nghệ dạy học, giáo dục kịp thời theo yêu cầu khai thác, sử dụng của giáo viên, tổ chuyên môn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà trường và phối hợp cùng các lực lượng khai thác sử dụng hiệu quả CSVC, TB&CN trong dạy học, giáo dục.
- Tổ chức bồi dưỡng năng lực khai thác, sử dụng TB&CN trong dạy học, hoạt động giáo dục cho giáo viên và nhân viên thiết bị của trường; bố trí để giáo viên đứng lớp, nhân viên thiết bị, thí nghiệm tham gia tập huấn, bồi dưỡng khai thác, sử dụng thiết bị dạy học theo nội dung chương trình và sách giáo khoa.
- Ban hành các quy định cụ thể về khai thác, sử dụng, bảo quản CSVC, TB&CN phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện của Trường; chỉ đạo việc thực hiện để khai thác sử dụng hiệu quả TB&CN trong dạy học, giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo yêu cầu chương trình giáo dục.
- Tổ chức hoạt động kiểm tra việc khai thác khai thác, sử dụng CSVC, TB&CN đối với giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

- Chỉ đạo xây dựng và thực hiện nội quy sử dụng, bảo quản nhà vệ sinh, các công trình nước sạch đúng cách nhằm bảo vệ môi trường, xây dựng môi trường trường học xanh, sạch, đẹp trong nhà trường; phát động các phong trào “Xây dựng trường lớp xanh, sạch, đẹp”, “Ngày hội vệ sinh trường học” trong nhà trường để giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, vệ sinh trường lớp, công trình vệ sinh.

- Xây dựng kế hoạch và phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, nông trại, cá nhân để khai thác, sử dụng CSVC, TB&CN bên ngoài nhà trường.

## **2. Trách nhiệm của tổ chuyên môn**

- Tổ chuyên môn thống nhất xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn (kế hoạch giáo dục môn học) đảm bảo nội dung khai thác, sử dụng CSVC, TB&CN có kế hoạch theo tuần, tháng và năm học đáp ứng mục tiêu bài dạy và yêu cầu chương trình giáo dục.

- Tổ chuyên môn thực hiện rà soát, kiểm tra việc khai thác, sử dụng CSVC, TB&CN của giáo viên trong tổ chuyên môn.

- Phối hợp với Ban kiểm tra nội bộ nhà trường thực hiện kiểm tra việc khai thác, sử dụng CSVC, TB&CN của giáo viên trong tổ chuyên môn.

## **3. Trách nhiệm của giáo viên**

- Thực hiện khai thác khai thác, sử dụng CSVC, TB&CN đúng kế hoạch, đảm bảo hiệu quả, an toàn, tiết kiệm, đáp ứng mục tiêu bài dạy và yêu cầu chương trình giáo dục.

- Thực hiện tự học tập, bồi dưỡng năng lực cá nhân về khai thác, sử dụng CSVC, TB&CN đáp ứng mục tiêu bài dạy và yêu cầu chương trình giáo dục.

## **4. Trách nhiệm của nhân viên thiết bị**

- Nắm vững kế hoạch khai thác, sử dụng CSVC, TB&CN của giáo viên để đảm bảo đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng theo tuần, tháng, năm học.

- Xây dựng và quản lý hệ thống hồ sơ quản lý CSVC, TBDH theo phân công của hiệu trưởng, thực hiện báo cáo đánh giá công tác khai thác, sử dụng CSVC, TBDH theo tháng, theo năm học.

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo quản, kiểm tra, cho mượn, đánh giá thiết bị phục vụ yêu cầu khai thác và sử dụng đáp ứng yêu cầu dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Thực hiện tự tự học tập, bồi dưỡng năng lực cá nhân về khai thác, sử dụng CSVC, TB&CN đáp ứng mục tiêu bài dạy và yêu cầu chương trình giáo dục.

### 5. Công tác kiểm tra, giám sát

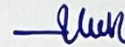
- Kiểm tra hoạt động sử dụng, bảo quản CSVC, TB&CN: Theo kế hoạch kiểm tra nội bộ và kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch tháng, học kỳ, năm học.

Trên đây là Kế hoạch sử dụng, bảo quản, mua sắm, bổ sung cơ sở vật chất của trường THPT Nguyễn Đức Thuận năm 2023, đề nghị các bộ phận, cá nhân có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, báo cáo hiệu trưởng nhà trường để được hướng dẫn giải quyết./.

#### Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Lãnh đạo trường;
- BCH CD, ĐTN;
- TTCM, GV, NV;
- Website trường;
- Lưu: VT.

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thị Thúy**

**PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Quang Đức**